

A voyage to Cochinchina, in the years 1792 and 1793

[Chuyến đi đến nước Việt Đàng Trong
vào các năm 1792 và 1793]

Tác giả: Sir John Barrow

Chương 10

**General sketch of the manners, character,
and condition of the natives of Tu-ron**

*(Phác thảo tổng quát về cách cư xử, tính cách và tình
trạng của dân bản địa Tu-ron [Đà Nẵng])*

**1. Cochinchinese Dinners, communication
with the young King of Tong-quin - Present sent by
him to Ambassador - Entertainment given at Turon on
the King of England's birthday - Play and other
amusement.**

(Buổi ăn tối tại nước Việt Đàng Trong -Thông tin đến với Vua trẻ Đông Kinh-Vua trẻ tặng quà sứ thần-Chiêu đãi tại Đà Nẵng nhân ngày sinh nhật của Vua nước Anh- Kịch và trò vui khác.)

Trong chương cuối cho biết khi ghen tị và báo động lắng xuống, và sự xuất hiện của hạm đội chúng tôi, cùng những lời bóng gió vô căn cứ do Manual Duomé [Thuyền trưởng Bò Đào Nha] tung ra đã bay đi; thực tế chợ tại Đà Nẵng mỗi ngày cung cấp đồ ăn tốt hơn, các quan chức nhà nước cũng bớt chế tài. Hồ tương tin cậy và tiếp xúc không ngừng thiết lập giữa người dân trên cảng và nhân viên thuộc hạm đội. Các Sĩ quan trên hạm đội và những người làm việc tại đại sứ quán do công vụ hoặc tò mò đều muốn có ngày trên bờ thưởng thức buổi ăn tối chung. Về phía họ, một vài viên chỉ huy hàng ngày lên thăm tàu, tại đây họ tỏ ra có niềm thích thú nhỏ, dường như cảm nhận từ món ăn của chúng tôi mà họ thường dùng. Họ không thích rượu bia hoặc vang; nhưng khao khát rượu rum nguyên chất, brandy, hoặc bất cứ rượu mạnh nào; đến nỗi sau chuyến thăm đầu tiên không dám để số lượng lớn cho họ tùy tiện, vì sợ cả nhóm ra khỏi tàu trong tình trạng say xỉn.

Vì không có căn nhà nào trên phố đủ lớn để tổ chức một bữa tiệc đông người, nên viên Thống đốc ra lệnh cất một nhà rạp rộng rãi, dùng những cây tre có sẵn, hoàn thành trong một vài giờ; vách và mái lợp chiếu dày che kín. Trong rạp có một dãy bàn nhỏ, ghế hai bên, với chỗ ngồi thuận tiện cho 20 hoặc 24 người. Theo tập tục Trung Quốc, các đĩa, bát đồ ăn, phủ đầy chiếc bàn vuông nhỏ nên không thấy mặt bàn; nhưng tại nước Việt Đàng Trong có sự cải tiến với phong cách tự do của nước láng giềng, không những bát đồ ăn phủ kín bàn, mà lại còn sắp chồng lên nhau đến ba bốn tầng. Tôi cho rằng chúng tôi hiếm khi ngồi xuống nơi có số lượng bát ít hơn 200, không kể những chén cơm được trao cho khách để thay thế bánh mì. Cơm gạo đối với nước này, cũng như Trung Quốc và các nước châu Á khác, là thức ăn để sống. Họ không dùng khăn trải bàn, dao, nĩa, chai, ly; nhưng trước mỗi người đặt một chiếc thìa bằng đồ gốm, một cặp lông nhím hoặc một đôi đũa bằng tre, hoặc gỗ hồng, đàn hương, mũi bọc bạc; loại như vậy dùng trong trường hợp tôn kính tại Trung Quốc, riêng người Anh gọi tên là chop-sticks. Thức ăn trong bát nấu từ thịt bò, thịt heo, gà vịt và cá, cắt nhỏ trộn với rau; chế biến

thành xúp hoặc thịt hầm, bao gồm thêm các vật liệu khác nhau. Chúng tôi không được ăn các thức ăn nướng hoặc khô. Trong lúc ăn không phục vụ rượu vang, rượu mạnh, chất lỏng men nồng, và ngay cả nước uống. Nhưng khi ăn xong, được trao cho nước *seau-cho* [nguyên văn, không hiểu là thứ nước uống gì] của Trung Quốc, đựng trong những chén sứ nhỏ.

Vì cả hai bên không biết ngôn ngữ của nhau nên không trao đổi đàm thoại, bởi vậy chúng tôi cảm thấy không muốn ngồi lâu trên bàn. Riêng viên Thống đốc hoặc chỉ huy tổng quát Turon [Đà Nẵng] không chịu hạ mình ngồi chung với chúng tôi; thường trong dịp này nằm dài trên nệm đặt tại chiếu ở cuối phòng, hút thuốc, hoặc ăn trà; trong khi đó 2 tên hầu cao lớn quạt suốt buổi với chiếc quạt lớn làm bằng lông gà lôi.

Từ chiếc bàn chúng tôi sửa thành rạp hát, cũng là một cái rạp bằng tre; ở đây cũng như ở Trung Quốc, chúng tôi thấy các diễn viên tham gia trình diễn hăng say suốt ngày, cả khi có hoặc không có khán giả. Do được mướn suốt ngày, khán giả đông hay ít không ảnh hưởng nhiều đến người trình diễn; cái mà họ lưu ý là số tiền nhận lúc công việc làm xong.

Là một thành phần của nước Việt Đàng Trong, vịnh Turon lúc này do Quang-tung trẻ [Nguyễn Quang Toản] nắm giữ, y là con viên tướng đánh bại Phó vương Quảng Đông, sau đó thành công trong việc đánh lừa Vua Trung Quốc, sự việc tôi đã kể trong chương trước. Y đóng đô tại thành phố Huế, khoảng 40 dặm phía bắc Turon. Ngay sau khi nhận được thông tin tình báo cho chúng tôi là bạn bè, hoặc theo nghĩa chặt chẽ nhất là phe trung lập đến nơi; thì một vị quan lại cao cấp được cử đến gặp đại sứ quán với lời mời của Vua [Nguyễn Quang Toản] đến triều đình. Vị quan này đã tìm ra những lý do thích hợp để từ chối nhiều điều và đặc biệt một số sự chậm trễ đã xảy ra. Tuy nhiên mong muốn cuộc hành trình đến một nơi có thể là thủ đô miền bắc nước Việt Đàng Trong, cung cấp cơ hội thấy được nội địa nước này. Điều này có thể là sự mất mát đáng hối tiếc mà sự tò mò phải chịu đựng, vì không được chứng kiến nghi thức và lễ hội của triều đình Huế; đặc biệt chúng tôi sắp có mặt tại Bắc Kinh, dù cũng giống như vậy, nhưng ắt huy hoàng hơn nước Việt Đàng Trong trung bày.

Điều hài lòng hơn là có cơ hội sống một vài ngày tại phố nhỏ, làng và những thôn nhà tranh. Như Dr. Johnson (1) từng quan sát “ *Tình trạng thực của mọi*

*nước, là tình trạng chung của mọi người. Hạnh phúc chung không thể đánh giá bởi sự tự
hội của những người đang vui tươi, hoặc tiệc tùng của người giàu. Số đông tại các quốc
gia không phải là người giàu hoặc vui tươi.”* Đối với Đông Phương thì nhận định này rất
đúng, nơi này chia ra hai hạng người: kẻ thống trị và người bị thống trị. Một cách giải trí
chúng tỏ rất ưa thích mà kẻ cầm quyền nước Việt Đàng Trong thường chiêu đãi sứ thần
ngoại quốc: đó là dạo trong rừng đi săn voi, cọp, bò rừng; trong dịp này họ thường tổ
chức tiệc voi vương giả, do đó người ta bảo rằng người nước Việt Đàng Trong ăn thịt voi,
nhưng độ lớn của vật thể này đánh dấu đa dạng của lễ hội, hơn là tinh tế của thức ăn, mà
tôi tưởng chừng rất thô vụng. Trong rừng nước Việt Đàng Trong và những nước láng
giềng, những con vật này có vẻ lớn hơn vùng khác trên thế giới. Con đầu tiên tôi thấy tại
Turon, hình dạng nó gây ấn tượng lớn trong đầu tôi. Tôi có thể nói một cách chắc chắn
rằng con voi tại nước Việt Đàng Trong, đỉnh Teneriffe, và giông bão tại biển là 3 vật thể
vượt ra ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Lá thư của Vua trẻ diễn tả đầy những lời đánh giá cao về sự lưu ý đến
quốc gia Anh; như được thấy bằng chứng về điều này ông ta dùng một sĩ quan của triều
đình đưa đến “một món quà nhỏ” như ông ta nói cho các tàu dùng. Quà gồm có 10 con bò
non, 50 con heo, khoảng 300 vịt gà; với trái cây, bầu, cà tím, hành và các thứ rau khác.
Những đồ tươi này cung cấp theo mùa, được đưa đến bằng thuyền buồm; đi trước bởi sĩ
quan dẫn hành bằng thuyền chèo, sơn hào nhoáng có trang bị cờ. Sứ bộ đính kèm thư
ông ta, phúc đáp với khẩu súng hai nòng đẹp mắt cùng đầy đủ phụ tùng, một cặp súng
ngắn bằng đồng trang bị lưỡi lê lò xo, gươm chuôi thép, và một vài vải thô và vải đỏ.
Người mang thư mặc áo lụa dài, thêu hình voi và rồng, giống như những người mặc tại
Trung Quốc; nhưng khi lên trên tàu Lion bèn cởi ra, mặc hai hoặc ba áo choàng bông
trắng.

Giao hảo giữa chúng tôi và người bản xứ bị tạm thời ngăn trở, do phần lỗi
bởi chúng tôi. Muốn thu hoạch chính xác các yếu tố về vịnh và cảng tuyệt vời này; một buổi
sáng nhóm chúng tôi dùng thuyền vào bờ đo đường cơ sở của bãi cát, lấy góc độ cần thiết để
quyết định vị trí của điểm quan trọng. Trong những giờ đầu tiên, nhóm đặc nhiệm đã
hoàn thành được công tác, và trở về không bị cản trở. Nhưng rồi một sĩ quan của họ đã
nhanh nhẹn theo lên tàu chuyển lời viên Thống đốc cho biết không hài lòng với việc làm

của chúng tôi và yêu cầu không được đo nữa. Một sự vụng về khác đã xảy ra khẳng định sự nghi ngờ khác của họ, lớn hơn ta thừa nhận. Một sĩ quan trên tàu Lion với nhiệt tình muốn khám phá con sông ngược dòng Fai-foo [Hội An], gặp đối thủ cừ hơn sự thận trọng của viên này, nên bị bắt trong đêm, giam tại đồn nhỏ với thủy thủ và cả thuyền. Không nhận được tin tức về chiếc thuyền này, chúng tôi phỏng đoán nó bị đắm vào vũng lầy, và mọi người trên thuyền đều chết. Tuy nhiên cuối cùng tin tức đã đưa đến tàu Lion bởi các sĩ quan của nhà nước này, kèm với sự phàn nàn đau buồn rằng chúng tôi không cư xử công bằng với họ. Sứ bộ đã từ chối bất cứ hiểu biết nào về vấn đề này, xin thả ngay viên sĩ quan, đưa lên tàu để viên này trả lời về lỗi lầm không tuân mệnh lệnh của cấp chỉ huy; tội của viên này sẽ bị trừng trị xứng đáng. Trong khi đó viên sĩ quan này rơi vào tay viên quan lại bản xứ, y gần như liên tục trong tình trạng say sưa, thường ra lệnh đưa viên sĩ quan đến trước mặt, đôi khi tự giải trí bằng cách vung một lưỡi hái lớn trên đầu, và đeo quanh cổ khung gỗ hoặc sắt nặng, giống như chiếc cùm của Trung Quốc. Sự việc rồi được giải quyết thỏa đáng, và chúng tôi có mọi lý do tin rằng dù có sự nghi ngờ không thuận lợi, nhưng họ đã nhận chúng tôi làm khách vào vịnh Turon và tin rằng chúng tôi không có ý định dính dấp vào các phe tranh chấp. Trong một lá thư thứ hai từ Vua, đã bỏ một số đề nghị gián tiếp để thiết lập buôn bán tại phần phía bắc nước Việt Đàng Trong. Quà kèm theo lá thư gồm một cặp ngà voi, 10 rổ ớt cho ông Đại sứ, và 3.000 rổ gạo (mỗi rổ 20 pounds, tức trên 100 tấn) cho thủy thủ.

Ông Đại sứ chưa từng lên bờ thành phố Turon, các sĩ quan chính của nơi này muốn biểu lộ sự kính trọng bèn tổ chức một buổi chiêu đãi chung vào ngày 4 tháng 6 với người nước Việt Đàng Trong trên bờ, nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Vua nước Anh (2). Có thể là sự tình cờ, hoặc do sự nghi ngờ trước đó, hoặc muốn phô trương trong buổi chiêu đãi; trong buổi chiều hôm trước đó thấy cảnh nhộn nhịp khác thường, tăng cường quân lính trong thành phố, ngoài ra còn có vài voi chiến. Vì thế về phần chúng tôi cũng thận trọng, đưa 2 lữ đoàn võ trang lên con sông đối diện với thành phố, giữ an toàn khi rút lui, nếu cần. Tuy nhiên ngày đó trải qua vui vẻ và hòa hợp.

Chúng tôi tiến hành dựng một nhà tạm thời tại chỗ bến thuyền, với tầm mức lớn hơn những cái trước đó. Những hàng cột bằng tre chống đỡ hai mái nhà, chạy dài ở giữa, chia căn nhà thành hai phần. Vách và mái che bởi chiếu kép dày, và được lót

bông vải Manchester thô với nhiều hoa văn khác nhau. Những hoa văn này tuy có vẻ mới, nhưng đã hư hỏng, và có lẽ bị thị trường Trung Quốc từ chối, nên thương nhân Bồ Đào Nha mang đến đây. Trong phòng thứ nhất có một bàn dài phủ khăn bàn linen; trên bề mặt, dao, nĩa theo kiểu Tây Phương. Người bạn Bồ Đào Nha của chúng tôi dường như muốn chuộc lỗi cho vết thương mà anh ta đã suýt gây ra, mặc dù có lẽ không ác ý gây cho chúng tôi; đã chiếm ưu thế đối với người nước Việt Đàng Trong để anh ta cai quản bữa tiệc. Anh ta kết luận rằng đối với chúng tôi ăn và uống là cách chiêu đãi tốt nhất; anh có thể làm phù hợp với khẩu vị chúng tôi hơn, so với người nước Việt Đàng Trong; với ấn tượng này, cư xử công bằng, anh ta đã không tiếc rắc rối cũng như chi phí để giúp cho bữa tối hoàn chỉnh như hoàn cảnh cho phép. Do sự nhiệt thành không đúng chỗ, một buổi chiêu đãi tốt tại nước Việt Đàng Trong bị hư hại bởi buổi ăn tối dở của người Bồ Đào Nha.

Lúc mới vào căn nhà, một tình huống nhỏ xảy ra, hơi làm lúng túng các sĩ quan nước Việt Đàng Trong. Những người này trong nhiều dịp như thế này thường khoác y phục Trung Quốc, mang một màn lụa màu vàng, ghi chữ lớn tên của nhà mạo hiểm trẻ tuổi ở Huế. Dù rằng họ cho việc này là điều hiển nhiên, hoặc theo lời của Manuel Duomé người Anh cũng coi vấn đề thường lệ tất nhiên phủ phục trước Đức vua; chúng tôi không hỏi, nhưng rõ ràng là họ mong đợi điều đó. vì khi Tướng chỉ huy tại Turon ngồi để chân vắt chéo trên chiếc ghế dài với tư cách là người đại diện cho chủ nhân của mình, quan sát thấy chúng tôi đã cúi chào, rồi đi ra và ngồi vào chỗ của mình, bất chấp màn hình màu vàng, thì ông ta có vẻ rất bối rối và khó giữ bình tĩnh trong suốt phần ngày còn lại. Ông thất vọng khi không thực hiện được nghi thức chín lần lạy, dường như đang diễn ra trong tâm trí rằng ông đã bị đánh giá thấp rất bởi các sĩ quan đồng đội. Ông ta ít chú ý đến cấp bậc được nêu lên, chỉ muốn biết làm việc gì cho sứ quán; cho đến khi viên thông dịch Trung Quốc giới thiệu Đại úy pháo binh Parish người chỉ huy tổng quát những khẩu súng lớn, thì sự lưu ý của ông dấy lên, suốt buổi hình như ông ta cho viên Đại úy là kẻ nguy hiểm đáng gờm.

Tại phần phía xa của căn nhà, khi chúng tôi đi vào đúng lúc diễn viên hài đang diễn vở tuồng lịch sử. Nhưng khi chúng tôi ngồi xuống, thì họ ngừng diễn, bước ra trước mặt chúng tôi khom mình và phủ phục chín lần; việc này chúng tôi đã rất cố ý bỏ qua trước vị quan và bức màn lụa vẽ tên. Sau nghi thức này, họ trở lại với công việc diễn

kịch, liên tục duy trì tiếng ồn và nhộn nhịp suốt cả thời gian chúng tôi ở lại đó. Nhiệt độ lúc này 81 độ F dưới bóng mát ngoài trời, và tối thiểu cao hơn 10 độ tại trong nhà. Đám đông tràn vào xem người lạ mặt; tiếng công, tiếng trống, tiếng kèn, sáo thổi âm thanh rộn rịp cấp bách; cũng không có gì đáng kể, ngoài sự mới lạ của cảnh tượng có thể khiến chúng ta dừng lại trong giây lát. Phần trình diễn ít ồn ào trên sân khấu là phụ diễn của 3 thiếu nữ trẻ; một người có vẻ là diễn viên chính, trang phục và tính cách như một nữ hoàng cổ đại; cùng với một hoạn quan già, ăn mặc rất kỳ quặc, diễn những trò hề đáng điệu như con bọ hung hoặc gã hề trong trò giải trí Harlequin (3). Đàm thoại trong phần này khác hoàn toàn với giọng than van và đơn điệu như đọc bài của Trung Quốc, nhẹ nhàng và hài hước, thỉnh thoảng ngắt bởi tiếng cười vui vẻ, thường kết luận bởi bài hát đồng thanh. những giai điệu này, thô lỗ và không được trau chuốt, có vẻ như là một sáng tác đều đặn và được hát đúng nhịp một lần đặc biệt thu hút sự chú ý của bạn, người có chuyển động buồn bã chậm rãi thổi vào đó sự dịu dàng buồn thảm đặc trưng của không khí bản địa của người Scotland, mà thực sự nó có sự giống nhau rất gần.

Ảnh trong trang sau: Cảnh trong một vở kịch tại nước Việt Đàng Trong

Chú thích:

1. Dr. Johnson: Samuel Johnson [18/9/1709-13/12/1784] thường được gọi là Dr. Johnson là nhà văn nổi tiếng nước Anh.
2. **George III** (George William Frederick; 4 June 1738 – 29 January 1820) là Vua nước Anh và Ireland từ 10/ 25/1760 cho đến lúc chết năm 1820.
3. Harlequin: nam diễn viên sân khấu, mặt đeo mạng, trang phục kiểu hình vẽ kim cương.



Drawn by W. Alexander

Engraved by T. Medland

Scene in a Chinese Opera

Cảnh trong một vở kịch tại nước Việt Đàng Trong

**2. Activity of the Cochinchinese - How
they agree and disagree with the Chinese -
Treatment with their women - Consequences of it -
Easy terms on which women are transferred to
strangers - instances of it.**

*(Hoạt động của người dân nước Việt Đàng Trong - Họ
đồng ý và phản đối Trung Quốc ra sao - Cách đối xử với phụ nữ -
Hậu quả của việc này - Những điều khoản dễ dàng khi phụ nữ
được chuyển cho người lạ - Những trường hợp này.)*

Rời khỏi nơi trình diễn vào giữa vở kịch, đi bộ qua làng cây xanh, đây cũng là nơi buôn bán; chúng tôi giải trí với các loại thể thao và trò vui đùa. Ngày 4 tháng 6, đã có một lần là ngày hội trong phần đất của xứ nước Việt Đàng Trong; tại một nơi có hàng tá thiếu niên chơi túc cầu với trái banh như cái túi; nơi khác họ biểu diễn nhảy nhanh trên cây dài vắt ngang; nơi đây có đám chơi chọi gà ồn ào; nơi kia trẻ trai bắt chước người lớn dụ chim cút, hoặc chim khác, ngay cả cào cào cầu xé lẫn nhau; và mọi nơi dân cờ bạc chơi đen đỏ bằng quân bài, hoặc ném đồng tiền. Nhưng trò chơi mà chúng tôi lưu ý nhất là một đám thanh niên trẻ tuổi với trái cầu lông trên không, liên tục dùng

chân đá. Thực sự không có nơi đâu, có thể vượt quá hoạt động và năng lượng của những người đàn ông Cochinchinese. Một thủy thủ của tàu Lion cãi cọ với một người trong bọn này; đòi hỏi làm một cái vòng, đánh bốc [boxing] (1) một cách công bằng. Trong khi viên thủy thủ gồng ngang tay, tìm chỗ nhược để đâm gục đối thủ; thì anh nước Việt Đàng Trong kia, miệng mỉm cười bất ngờ quay gót đá mạnh vào hàm đối phương, rồi bỏ đi một cách bình tĩnh; để mặc viên thủy thủ ngạc nhiên và đám đông cười nhạo vui vẻ; đôi chân họ năng động, khéo léo điều khiển không kém phần đáng chú ý. Người chơi tung hứng, làm trò ảo thuật, tạo dáng đứng; biểu diễn nghệ thuật tương ứng để làm vui đám đông và cho lợi ích riêng của họ. Và chúng tôi đã tìm thấy sự thiệt hại do bởi những người không làm nghề tung hứng, là những tay lành nghề móc túi. Thật đáng sợ, những người tham dự trong ngày, lúc trở về tàu phần lớn bị mất khăn tay bỏ túi, vật này hình như bọn chúng rất thích. Chúng tôi tìm thấy khắp nơi phần lớn những người ăn xin gây phiền nhiễu, thèm muốn không một chút hạn chế nào cho mọi thứ có thể phù hợp với sở thích của họ. Họ không hài lòng với lời từ chối, cũng không ngừng khi có được; đòi hỏi càng cấp bách hơn, khi người cho tỏ ra hào phóng hơn. Cái mà họ không lấy được bằng cách đi xin; họ cố gắng lấy được bằng cách ăn cắp. Họ không có đức tính giống như dân Sparta (2), đỏ mặt khi bị phát hiện; không thấy họ bị bắt vì tội ăn cắp hoặc bị phát hiện. Hoàn cảnh xảy ra ăn cắp rất phổ quát; ngay cả những sĩ quan nhà nước này đi lên tàu cũng phải coi chừng!

Cố gắng phác họa nét tổng quát về đặc tính của dân tộc này, tôi không thể không nhận thấy sự liều lĩnh bị lôi kéo vào sai lầm. Diễn tả một cách chính xác về cách thức và ý kiến của dân ngoại quốc; theo dấu động cơ hành động của họ, nguồn gốc sự thành kiến; xem xét những tác động do các thể chế dân sự và tôn giáo gây ra đối với tính khí và khuynh hướng của con người, tìm hiểu ý kiến đúng sai về luân lý; cần điều tra quan điểm của họ về hương vị, vẻ đẹp, vui sướng, và những vấn đề khác trước khi thu hoạch đầy đủ những hiểu biết. Tìm hiểu đặc tính và điều kiện thực không những đòi hỏi phải sống lâu tại nước đó, còn phải quen biết thân mật với các giai tầng trong xã hội; cuối cùng cũng khó mong đợi được một hình ảnh chính xác. Không gì lỗi bịch hơn một người Pháp mô tả tính cách của người Anh; lại càng vô lý hơn khi người Đức kịch tính hóa nhân vật người Anh. Tuy nhiên cũng còn một vài dấu ấn đặc trưng chiếm ưu thế ở nhiều người, ta có thể an toàn coi như đó là đặc tính của một quốc gia; và với cách làm như thế

tôi cố gắng rút ra một vài nhận xét về nước Việt Đàng Trong. Những nhận xét này có lẽ mang tính cách địa phương cho phần đất bờ biển chúng tôi đổ bộ.

Cái mà tôi nhận biết về những hình ảnh tổng quát nước Việt Đàng Trong vào mấy thế kỷ sau Công nguyên là một thành phần của đế quốc Trung Hoa; hình ảnh chung của dân bản địa về phong tục, chữ viết, tôn giáo, lễ nghi vẫn giữ theo Trung Quốc; các tỉnh phía bắc ảnh hưởng mạnh hơn phía nam. Cũng có một tính chất khác ảnh hưởng nhẹ hơn có thể nhận ra tại Siam [Xiêm, Thái Lan], vùng dân tộc Se-yang, hoặc dân miền Tây; tại Pe-gu có lẽ là Pe-qua hoặc các tỉnh miền bắc, và tại Ava và phần còn lại thuộc đế quốc Birman [Miến Điện]. Tại nơi này có sự trộn lẫn giữa phong tục Malacca [Mã Lai] và phong tục Hindoos [Hin đư] tôn giáo phía đông Hindostan, khiến đặc tính Trung Quốc hầu như bị xóa sạch. Người nước Việt Đàng Trong tại Turon bắt chước những cách cư xử buông thả của phụ nữ mà tôi sẽ lưu ý và khuynh hướng tất cả các cuộc cách mệnh phải thay đổi trong mức độ lớn hoặc nhỏ, đặc tính của con người, bảo tồn phần lớn những mặt giống với nguồn gốc, nhưng cũng có vài điểm khác rất nhiều.

Chẳng hạn họ hoàn toàn thống nhất về các nghi lễ cưới xin, tang chế, phần lớn những tôn giáo thần quyền, trong việc dâng hiến thần tượng, tham khảo lời sấm truyền, và trong khuynh hướng chung của việc tìm hiểu về tương lai bằng cách đúc kết nhiều điều, như xua đuổi bệnh tật, trong các bài viết và cách thức chuẩn bị chúng, phong cách tự nhiên về giải trí công cộng và làm vui, trong việc cấu tạo và thành phần pháo bông, trong dụng cụ âm nhạc, trò chơi may rủi, đá gà và đá chim. Tiếng nói của dân nước Việt Đàng Trong dù rằng cùng một nguyên tắc, nhưng thay đổi nhiều so với nguồn gốc, nếu không là toàn thể thì cũng gần như không hiểu được đối với người Trung Quốc; nhưng chữ viết thì hoàn toàn giống nhau. Tất cả những đền miếu mà chúng tôi đã quan sát đều là những kiến trúc khiêm tốn, và không thấy những mẫu vật gắn tại mái cong, tại chùa có tháp, như thường gặp tại Trung Quốc. Nhưng hình như trong nhiều nơi của nước này các tu viện được trang bị đầy đủ; kiến trúc rộng rãi, bao quanh bởi tường để được an ninh hơn. Các nhà gần vịnh Turon thông thường có 4 vách đất, trên lợp lá, vị trí tại vùng đất trũng, gần sông; thường do 4 cột gỗ, hoặc cột vôi dựng lên, dự phòng tránh sâu bọ hoặc ngập lụt.

Cách ăn mặc của nước Việt Đàng Trong không những trải qua sự thay đổi mà lại còn cắt giảm. Họ không đi giày cao, vớ bông, giày bột satin; không dùng váy lót nhồi bông, luôn luôn đi chân trần. Mái tóc dài đen, giống như người Mã Lai, thì thường kết nút, hoặc khum lên như vương miện. Thực sự theo cách thức thời xưa người Trung Quốc để tóc; cho đến khi người Mãn xâm chiếm nước này bắt làm một việc nhục nhã là cạo sạch đầu, chỉ để một lọn nhỏ đằng sau gáy.

Nước này cũng như Trung Quốc, lấy lời giáo huấn của Khổng Tử làm căn bản luân lý phẩm hạnh chính trực. Tuy nhiên tại đây hình thức bên ngoài của đạo đức dường như rất ít được quan tâm. Tại Trung Quốc lời giáo huấn được trưng bày một cách hào nhoáng bằng chữ vàng trước mỗi nhà, đường phố và nơi công cộng; nhưng ở đây thì ít thấy và không nghe nói. Thực sự thời xa xưa họ lặp lại nguyên mẫu ngôn ngữ, (hầu như không có người phiên dịch) nên họ không hiểu. Nói tổng quát hạnh kiểm của họ ít bị ảnh hưởng bởi giáo huấn nghiêm khắc của những thứ đạo đức tôn giáo. Người nước Việt Đàng Trong cũng như người Pháp luôn luôn vui vẻ, ưa nói; người Trung Quốc thì nghiêm khắc suy nghĩ; nhóm trước cởi mở và thân mật, nhóm sau thì khép kín, bảo thủ. Người Trung Quốc coi như điều lằng nhục khi phải giao phó bất kỳ công việc quan trọng nào cho người đàn bà. Theo ước tính về người nước Việt Đàng Trong, đàn bà rất phù hợp và được giao phó theo mỗi quan tâm chính của gia đình. Người Trung Quốc về phương diện lịch sự cấm đàn bà Trung Quốc nói ngoài việc trả lời, cười cho có lệ, hát khi bắt buộc, riêng khiêu vũ, nàng phải chịu hạn chế về mặt vật lý, khiến cho loại chuyển động này trở nên bất khả thi. Tại nước Việt Đàng Trong người đàn bà hoàn toàn vui và không bị ức chế, giống như nam giới; có thể kết luận một cách khá chính xác rằng việc này bắt nguồn từ tình trạng xã hội mà địa vị nữ được đặt vào, và sự cân nhắc mà tính cách nữ được giữ trong đó. Tôi sẽ cụ thể hơn trong việc mô tả tình huống được giao cho họ ở đây, ít nhất là trong chừng mực mà phương tiện hạn chế cho phép chúng tôi có cơ hội quan sát hơn là những điểm khác.

Trong một vài tỉnh ở Trung Quốc, người ta kết án đàn bà phải làm công việc nặng nhọc hạ thấp phẩm giá, như kéo cày và những công việc vất vả khác. Ở nước Việt Đàng Trong có vẻ như số phận của phái yếu phải gánh vác những công việc đòi hỏi, nếu không phải là sức lực thể chất lớn nhất, thì ít nhất cũng là sự chăm chỉ bền bỉ nhất.

Chúng tôi thấy họ ngày lại ngày, từ sáng đến tối, đứng trên ruộng nước đến đầu gối để cấy lúa. Thực sự việc lao động cày xới, và tất cả các công việc khác liên quan đến canh nông, đều có sự đóng góp của phụ nữ nhà nông. Trong khi đó người phụ nữ tại Tu ron [Đà Nẵng] ngoài công việc nhà, còn cai quản thêm việc buôn bán. Họ còn phụ giúp xây dựng nhà, tiếp tục sửa chữa căn nhà lá vách đất; họ trông nom sản xuất bình sành; điều khiển thuyền trên sông và trong bến cảng; họ đem những đồ vật ra chợ bán; họ lột bông ra khỏi vỏ, lấy hạt ra, kéo thành sợi, dệt ra vải, nhuộm màu thích hợp, may quần áo cho chính họ và cả nhà. Hầu như tất cả đàn ông trẻ tuổi bị bắt buộc đăng lính; những kẻ được miễn thì đi đánh cá, hoặc thu thập tổ chim én tại các hòn đảo lân cận, tuy nhiên những người thuộc lớp trên chê công việc rẻ mạt. Đặc biệt có nhiều người làm những sản vật xuất khẩu sang Trung Quốc, dẫn gỗ, đóng sửa tàu thuyền và những nghề nghiệp khác. Tuy nhiên những việc này không chiếm hết thời gian, số còn lại hoặc không có việc làm, hoặc chỉ sử dụng để theo đuổi một số việc yêu thích, nhưng họ không hề có khuynh hướng nhàn rỗi. Nhưng sự chuyên cần của người đàn bà thì không hề suy giảm, họ đeo đuổi nhiều tình huống, sự mệt mỏi họ phải trải qua khôn khó đến nỗi người nước Việt Đàng Trong thường ví họ trong một câu tục ngữ mà chúng ta dành cho một con mèo, cho rằng một người đàn bà, có chín sinh mệnh, phải chịu rất nhiều sự giết chóc. Thực sự có bằng cứ lời nói từ những người đàn ông thuộc giai cấp bình thường cho rằng định mệnh giao người khác phái cho họ dùng; còn những người thuộc đẳng cấp cao hơn thì cho rằng phục tùng theo ý thích của họ. Người đàn ông tùy tiện cưới một số lượng vợ và thê thiếp, không hạn chế bởi pháp luật hoặc qui định; nhưng ở đây cũng như ở Trung Quốc người vợ thứ nhất, căn cứ vào thời gian hôn phối lâu năm, đứng đầu trong việc nội trợ; các điều khoản mà hai bên thống nhất dễ dàng hơn các điều khoản mà họ có thể chia lìa. Việc bẻ đồng sáu xu giữa hai người yêu nhau chia tay, được coi là lời tuyên bố và cam kết không thay đổi trong giới nông dân ở một số quận của Anh. Tại nước Việt Đàng Trong, việc bẻ một đồng tiền, hoặc bẻ một đôi đũa giữa hai vợ chồng, trước người chứng có thẩm quyền, coi như là sự giải thể hôn ước với hành động chia lìa.

Tại Trung Quốc người đàn ông cần mẫn thâm nhuần học thuyết dạy rằng người con gái được nuôi dạy tốt không ra ngoài, nài nỉ tự hạn chế trong phòng; ngay cả khi gặp bà con gần phái nam, nài nỉ cẩn thận không để lộ bàn tay và cổ trần ra; để ngăn ngừa kẻ khác ngấm nhìn, nài nỉ khoác áo choàng phía trên che đến cằm, phía dưới xuống

tận đầu gối. Và học thuyết đã khéo léo nghĩ ra những điều răn để thực hiện, đến nỗi những người phụ nữ gốc Nghêch thực sự đã bị thuyết phục khi xem xét sự mất mát bồi dưỡng thể chất khiến họ phải ở trong nhà, lại cho là một thành tựu tuân theo luân lý thời thượng. Ở đây, xét về phương diện này, có sự khác biệt hoàn toàn về mặt giới tính.

Cho đến nay, phụ nữ Cochinchinese [nước Việt Đàng Trong] không bị tước đoạt quyền tự do sử dụng chân tay hoặc quyền tự do của họ, họ được hưởng cả hai quyền đó ở mức độ đầy đủ nhất. Chắc chắn không có sự ngăn cấm tại Cochinchinese, tại nơi này trong một chuyến du lịch, Eudoxus nói rằng anh ta đã thấy chân trần phụ nữ, chúng có thể được phân biệt bằng tên “chân con đà điểu”, những bước chân trần dòn dập có vẻ trở nên to lớn bất thường và lan rộng ra. Nhưng cái tên này có thể đủ khéo léo để áp dụng cho bàn chân của những người phụ nữ Trung Quốc, những người này bàn chân bị che khuất không xác định và cục mịch không giống như chân đà điểu.

Quan niệm cực đoan thường gần đúng; cùng một nguyên nhân mà ở Trung Quốc hoạt động với sự cô lập hoàn toàn của giới tính khỏi xã hội và sự hạn chế sức mạnh thể chất của họ, đã tạo ra ở nước Việt Đàng Trong một hiệu ứng hoàn toàn ngược lại, bằng cách cho phép họ tận hưởng không kiểm soát trong mọi loại phóng dăng. Nguyên nhân này là họ bị hạ thấp trong dư luận, và bị coi là có bản chất thấp kém hơn so với nam giới. Bản chất này trở nên không có giá trị gì đối với họ hoặc với người khác, và theo mọi lý lẽ, có vẻ như họ hoàn toàn nhận thức được sự không quan trọng của nó trong khía cạnh này. Hậu quả là những người phụ nữ ít cẩn thận hơn, hoặc những người đàn ông dễ tính hơn, chắc chắn sẽ không xuất hiện ở bất kỳ nơi nào trên thế giới ngoài những người ở vùng phụ cận vịnh Turon.

Tuy nhiên, hy vọng rằng tính cách chung của quốc gia có thể không hoàn toàn tương ứng với tính cách thịnh hành tại nơi này, một trong những thị trấn hải cảng đông đúc nhất. Sự khoan hồng đặc biệt, được ban hành theo luật pháp của Solon (3), cho phép phụ nữ trẻ xử lý các ân huệ cá nhân, với mục đích giúp họ có thể mua được những mặt hàng thiết yếu hàng đầu cho bản thân hoặc gia đình họ; được người nước Việt Đàng Trong chấp thuận mà không có bất kỳ giới hạn nào về độ tuổi, điều kiện hoặc mục đích. Không phải chồng, cũng không phải cha, có bất kỳ chút do dự nào khi bỏ rơi vợ hoặc con gái cho người đàn ông hào hoa của cô ta. Không phải Galba (4), khi ông ta lịch sự

ngủ thiếp đi (chuyện do Plutarch (5) kể lại) vì sự náo loạn của Mecaenas, và khiển trách người hầu của mình vì đã vô lễ lắc lư các tấm đĩa để đánh thức ông ta, để ông có thể nhìn thấy những gì đang diễn ra. Có thể thoải mái hơn, một người chồng Cochinchinese, người mà có thể áp dụng đúng những dòng sau của Horace, trong đó ông mô tả cách cư xử trụy lạc của người La Mã:

"The conscious husband bids her ride,
When some rich factor courts her charms,
And calls the wanton to his arms,
Then prodigal of the wealth and fame,
Profusely buy the costly shame."

*"Người chồng chủ động mời cô ấy đi,
Khi một số nhân vật giàu có ve vãn cô ấy,
Và gọi những kẻ phóng đãng vào vòng tay của mình,
Sau đó hoang phí của cải và danh vọng,
Mua sự xấu hổ khá đắt giá."*

Những nhận xét về sự thờ ơ của đàn ông đối với danh dự và sự trong trắng của phái nữ; cũng như bản chất buông thả và phóng đãng của phái nữ vốn là hậu quả tất yếu của nó, không chỉ giới hạn ở những người dân thường mà còn áp dụng mạnh mẽ hơn đối với những người ở hàng đầu trong xã hội, các viên chức chính phủ. Những người này hoàn toàn trụy lạc như quan lại Trung Quốc, thậm chí không để lại vẻ ngoài đàng hoàng mà họ cần phải tuân thủ. Về sự lợi ích mà họ có, để chuyển giao phụ nữ của họ cho người lạ, nhóm của chúng tôi đã thu thập được một số trường hợp kỳ cục. Sau đây trong số nhiều trường hợp khác, khái niệm khá tốt có thể được thu thập về giá trị được đặt vào họ theo quan điểm tiền tệ. Một hòm viên sĩ quan tàu Lion lên bờ để mua một cặp bò đực cho công ty trên tàu. Khi giá cả đã định 10 dollars một con, viên sĩ quan đếm tiền trước mặt viên quan địa phương rồi nhận bò. Viên quan nhận tiền rồi phái một vài người hầu của mình đi, chẳng mấy chốc họ quay trở lại với một cô gái trẻ xinh đẹp; rồi viên quan trao

cô này cho viên sĩ quan. Cho dù viên sĩ quan khiêm tốn này có quá sốc trước giao dịch trắng trợn và khiếm nhã như vậy hay không; hoặc liệu ông ta có đủ tiền để trả giá cho những con bò đực hay không thì cũng không liên quan đến mục đích này. Sự kiện có thể thấy rằng anh ta thích bổn phận của mình hơn là mua người phụ nữ, và hơn là sự ngạc nhiên giả tạo của viên quan, người mà anh ta hiểu cô ấy là vợ hoặc là con gái. Một đàn ông khác, một hôm trên đường từ thành phố trở về đi dọc bờ sông, có một người đàn bà lớn tuổi theo anh ta, ra hiệu cho anh đi đến mái nhà tranh, đưa anh xem con gái mình, gần như lộ liễu cả tòa thiên nhiên (6); còn người đàn bà lớn tuổi thì mắt sáng lên với đồng dollar Tây Ban Nha.

Chú thích:

1. Đánh bốc: Quyền Anh [boxing], môn võ thuật từ Tây phương.
2. Sparta: Tên thành phố cổ Hy Lạp.
3. Solon: Chính trị gia, luật gia, thi sĩ người Hy Lạp [630-560 BC] chủ trương cởi mở về luân lý.
4. Galba: Hoàng đế La Mã [12/24/3 BC-1/15/69]
5. Plutarch: Triết gia, sử gia Hy Lạp [46-119].
5. Horace: Thi sĩ nổi tiếng người Ý [65-8 BC] thọ 56 tuổi.
6. Hai sự kiện mà tác giả nêu lên, chỉ là trường hợp bán dâm cho người nước ngoài, nơi nào trên thế giới cũng có thể xảy ra; người dẫn mối thường bảo cô gái là con mình.

3. Dress – Buildings - Diet and means of subsistence - Extensive use of marine productions as articles of food - Low state of the arts and manufactures -

(Trang phục - Nhà cửa - Chế độ ăn uống và phương tiện sinh kế - Sử dụng rộng rãi hải sản làm thực phẩm - Trình độ nghệ thuật và sản xuất thấp)

Có rất ít sự hấp dẫn về bề ngoài và nét đẹp tổng quát của người Cochinchinese. Những người phụ nữ tại đây chỉ có chút vẻ đẹp mong manh; đúng là sự thiếu hụt nét quyến rũ cá nhân; ở một mức độ nào đó được bù đắp bằng tính khí vui vẻ và hoạt bát, hoàn toàn không giống người Trung Quốc buồn tẻ, ủ rũ và sống khép kín. Một khuôn mặt biểu cảm, là kết quả của sự giáo dục và tình cảm, cũng như tập hợp các đặc điểm tinh tế và sự hoàn thiện tốt đẹp của sức khỏe, sự thoải mái, miễn trừ khỏi sự lao động cực nhọc và tiếp xúc với những thay đổi của thời tiết, khó có thể mong đợi ở Cochinchina. Trên thực tế, cả hai giới đều có đặc điểm thô, màu da thường đậm giống như dân Mã Lai , và phong tục cũng phổ biến nhai cau trầu giống như họ; khiến môi đỏ, hàm răng đen, bề ngoài trông khó coi hơn sắc đẹp thiên nhiên trời ban cho. Y phục phụ nữ không có vẻ quyến rũ mê hoặc. Y phục phổ thông bao gồm một áo vải rộng, màu nâu hoặc xanh dài xuống tận giữa đùi; quần Nam King hai ống rất rộng. Họ không quen dùng vớ hoặc giày; nhưng phái nữ lớp trên đi giày xăng đan hoặc dép. Y phục đặc biệt trong ngày lễ; một bà mặc ba, bốn áo một lần với các màu và kích thước khác nhau, chiếc ngắn nhất khoác lên trên. Một phụ nữ ăn mặc vậy, trong bản in phụ lục đính kèm (1), đại diện cho một nhóm người Cochinchinese, có thể được coi là một vật mẫu công bằng về ngoại

hình của họ. Mái tóc đen dài thường được thắt nút, tạo thành vương miện trên đầu, và một đôi khi thả lỏng qua lưng, thông thường xuống tận đất. Người để tóc ngắn không cho là thô tục, nhưng tỏ ra là thoái hóa.

Y phục nam giới có rất ít đặc điểm để phân biệt với phụ nữ; phần lớn hạn chế trong một tấm áo ngắn và chiếc quần. Một số người dùng khăn quấn xung quanh đầu theo kiểu khăn xếp; số khác đội nón hoặc mũ nhiều kiểu và vật liệu khác nhau; nhưng phần lớn nhắm che mặt khỏi tia nắng mặt trời. Cũng với mục đích này, họ dùng ô với giấy dày Trung Quốc; quạt che bằng lá cây Borassus, lá cọ, hoặc lông chim. Hòa điệu với quần áo xấu và ít ỏi, thường được ném lỏng lẻo qua vai để vừa với cơ thể, là những căn phòng tre thấp kém. Nói tóm lại, ánh mắt người lạ với quan niệm cao không thể gây ấn tượng về tình trạng hạnh phúc của những người này.

Tuy nhiên có một sự khác biệt lớn về hoàn cảnh giữa người châu Âu và người dân nhiệt đới; khiến người châu Âu lần đầu tiên đến gặp người vùng nhiệt đới, dễ bị sai lầm khi cố gắng so sánh điều kiện tương ứng hai bên. Đối với người Âu thì nhiên liệu, y phục, chỗ ở không những cho họ tiện nghi mà còn giúp họ tồn tại. Đối với người nhiệt đới thì giá trị của lửa chỉ giúp họ ủ tro than nấu chín nồi cơm, hoặc châm lên đuốc để dăng cúng. Vải vóc huy hoàng chất đầy không gây cho họ ý vị mãn mà phải nghiêng lòng; quần áo chật và dày cảm thấy thiếu thoải mái, gây bất tiện trở ngại.

Ngay cả một chút quần mà anh ta thấy thích hợp để sử dụng, cũng thường xuyên ném sang một bên; vì nơi này trần trụi không phải là nỗi ô nhục, anh ta có thể mọi lúc, và ở mọi nơi, điều chỉnh y phục của mình theo cảm xúc và hoàn cảnh, mà không xúc phạm đến người khác, hoặc xấu hổ với chính mình; đây là một lợi thế bị từ chối đối với người Âu.



Một nhóm người Việt Đàng Trong

Tuy rằng chúng tôi không mong đợi được trông thấy thành phố lớn hoặc lâu đài tráng lệ tại vùng phụ cận vịnh Turon, nhưng đây là nơi buôn bán nổi tiếng với Trung Quốc, Nhật Bản; nên hơi thất vọng khi thấy một vài làng không quá một trăm nóc, và phần lớn là nhà tranh. Hậu quả phải chịu đựng do cuộc cách mệnh [Tây Sơn] đã xảy ra, để lại tàn dư những kiến trúc lớn hơn và tốt hơn; trong vùng đất đồi còn dấu tích tường và đồn cũ; theo lời kể của sĩ quan chúng tôi đã bị bắt làm tù binh cho biết vẫn còn nhiều đồn như vậy tại Fai-foo [Hội An]. Phần còn lại cũng thấy đồn điền và vườn trái cây, hoa thì trở nên hoang dại; nhưng không có dấu vết tỏ ra ngày xưa giàu có hoặc để lại ấn tượng về sự tráng lệ đã sụp đổ. Thực sự đây là dấu tích thành phố Đông phương, chịu sự hủy hoại rồi biến mất. Những căn nhà tốt nhất tại đây chỉ có một tầng, phần lớn bằng gỗ, và gạch phơi nắng; loại gạch này cần phải lưu ý liên tục để bảo vệ chúng khỏi bị mục nát biến thành đất. Những bức tường thành phố làm bằng vật liệu nhẹ không bền, nên chẳng bao lâu đổ sập xuống thành đồng đất, rồi bị chôn vùi gập bởi cây cỏ dại. Hệ thống tường thành phố khi xây dựng đã bị tính toán sai về sức chịu đựng. Đồng đất lớn giữa bức tường liên tục

đẩy gạch hoặc đá ra để cho rơi xuống hào, khiến vài năm sau mặt bằng của tường bị hỏng. Nếu thành phố Bắc Kinh lớn và đông dân, một thành phố có lẽ lớn và đông dân nhất trên thế giới vì một sự tình cờ nào đó bị đổ hoang, thì một vài thế kỷ sau sẽ không xóa bỏ hết mọi dấu vết về tổng thể của nó. Tuy nhiên ít ngạc nhiên rằng vào thời Alexander, mọi dấu vết của những cung điện nguy nga tráng lệ được cho là của thành Troy đã biến mất, và thành phố Babylon kiêu hãnh, từng là chúa tể của thế giới trong nhiều thế kỷ qua, đã bị chôn vùi trong cát bụi.

Mái nhà tranh tại Turon nói chung sạch sẽ vừa vặn, trông chắc chắn đủ che chở cho dân chúng ánh mặt trời mùa nắng, mưa nặng hạt trong mùa kia. Trên thị trường dường như không thiếu các hàng vải hoặc lụa cho y phục; trong nước còn sản xuất số lượng lớn hàng hóa khác nhau đóng góp vào việc nuôi dưỡng đám đông, và sự xa hoa theo đòi hỏi của lớp trên. Hầu như mọi loài gia súc, ngoại trừ cừu, có rất nhiều; trong đó có những con vật ngắn sừng, heo chân ngắn, dê và rất nhiều gà, vịt. Họ ăn thịt chó giống như Trung Quốc, và ếch là món ăn phổ thông. Biển và đất liền không cạn nguồn cung cấp cho những người sống tại vùng ven biển. Ngoài các loại cá ngon, tối thiểu họ ăn ba loài giống Balistes, và nhiều Chaetodon; loài đề cập sau da có giải băng màu tím và vàng, vây có mắt, là loại cá đẹp. Phần lớn dùng lưới bắt cá; lại có loại rổ có nắp đáy, dùng mỗi nhữ cá vào rồi đóng nắp lại bắt. Chúng tôi quan sát họ bắt nhiều cá bay bằng cách dùng bình bằng đất nung cổ hẹp, nhử mỗi bên trong bằng thịt heo hoặc ruột cá. Phần lớn động vật thân mềm được người Cochinchinese dùng làm thức ăn; chẳng hạn như sứa, holothuria, actinia, và doris. Họ còn bắt biches de mer đem chế biến làm thức ăn hạng sang hoặc đem bán. Dù rằng súc vật và rau được xem như thức ăn chính; tất cả những thức ăn có chất keo lấy từ biển và rong biển như fuci và ulva đều là cây ăn được.

Dân bản địa thuộc bờ biển các đảo tại Nhật dùng một phần thức ăn nuôi dưỡng là các loài rong biển, trong đó không có gì hơn là loài fucus được gọi là saccharinus. Xuất xứ từ lời kể của Mr. Thunberg là nó còn dùng để trang sức tô điểm trên gói quà hoặc trái cây gửi cho người lạ. Cây này được đánh giá cao vì người ta cho rằng nó là nguồn tài nguyên nuôi dưỡng được cung cấp dồi dào, khiến các nước có thể lựa chọn, hoặc khi cần có thể tận dụng các sản phẩm khác nhau của nó. Món thạch Chinchou của Trung Quốc có thể được chế một phần bởi rong biển Fucus Saccharinus, khi xuất hiện qua hàng mẫu bán tại Anh cho thấy thạch này được chế, nguyên liệu lấy từ ba

hoặc bốn loại rong; thực sự có lý do để tin rằng phần lớn hai loại Fuci và Ulva được dùng cho mục đích này. Từ bờ biển đảo Robben tại mũi Good Hope [Hào Vọng Giác, Nam Phi] nô lệ thường mang những rổ rong biển Fucus, lá giống như gươm, dài khoảng 6 inches [0.15 mét]. Những lá này đem rửa sạch, phơi đủ nắng để khô thối, ngâm với nước sạch trong vòng 5, hoặc 6 ngày, thay nước mỗi buổi sáng; sau đó luộc trong vài giờ với ít nước, nó sẽ trở thành thạch trong, chế thêm ít đường và nước chanh hoặc cam thì hương vị trở nên dễ chịu và sáng khoái như bất kỳ loại thạch nào! Rất ít nước có thể khoe nhiều giống rong biển Fuci và Ulva hơn vùng bờ biển British Island; thể hệ sau có thể khám phá nó chứa đựng nhiều chất dinh dưỡng như một loại thực phẩm cho một số loài. Ngoại trừ Esculentus hoặc Tangle, Saccharinus nổi tiếng tại Iceland hơn tại nước Anh; còn Palmatus hoặc Dulse thì dân Scotch bảo rằng giàu chất keo, nhưng tiếp xúc với rau khác như trộn lẫn với mùi thơm của hoa Violet hoặc giống Ulva, còn có tên là Laver, nổi tiếng tại bờ biển Wale; riêng phần còn lại có vẻ như bị bỏ quên.

Nhưng Chin-chou tại Trung Quốc gọi chính xác hơn là Hai-Tsai hoặc rau biển không chỉ dùng riêng cho thức ăn; nó còn được sử dụng chất keo để tạo thêm độ trong suốt cho lớp giấy lớn hoặc vải lưới thô dùng cho cửa sổ hoặc đèn lồng; đèn này gồm những cành tre bắt chéo nhau, thường có hình thoi với những kẽ hở chứa đầy nhựa trong Hai-tsai.

Giống như vậy, người Cochinchinese thu hoạch những cây tươi mọc nước thường mọc tại đầm lầy cát muối như các loài Salicornia, Arenaria, Crithmum Maritimum, hoặc Samphire và các thứ khác làm thành món xúp, hầm hoặc ăn ở trạng thái thô để tạo độ thơm ngon cho gạo. Và từ hạt gạo này, với bàn tay khéo léo họ chế ra bún tàu, thường gọi là Lock-soy, hoàn toàn trong trắng, giữ nguyên phẩm chất cao tại các nước Nhật và Trung Quốc; nước đề cập sau đem xuất cảng với số lượng lớn. Dùng nó làm súp thì mềm dẻo; cũng có thể để nguyên với phẩm chất trong vắt nó, khiến người ta nghi ngờ rằng gạo là thành phần duy nhất tạo ra nó. Bún tàu Lock-soy của Trung Quốc thường mờ đục.

Đối với dân bản xứ vùng nhiệt đới, thức ăn súc vật không cho là vật cần thiết số một, nên ít khi dùng. Dù rằng cá là thức ăn nuôi dưỡng phổ thông cho người dân ven biển, nhưng một bữa ăn với cơm, ít muối, trái ớt hoặc tiêu, một ít rong biển đề cập ở trên, là bữa ăn thịnh soạn cho dân các nước Đông phương. Tất cả những thứ ngoài bài

viết này và hình ảnh đính kèm; ngay cả trầu và cau, cũng như thuốc phiện, rượu mạnh, được xem như thuộc thành phần sang trọng. Về lúa gạo, tại Cochinchinese có hai mùa chính trong một năm; một mùa lúa chín vào tháng năm, vụ kia vào tháng mười. Trái cây các loại như cam, chuối, sung, táo, ổi, thạch lựu, và những thứ khác ít thích hơn, sản xuất rất nhiều tại mọi nơi trong nước. Họ có khoai mài ngon, và rất nhiều khoai lang ngọt. Gia súc không cho nhiều sữa; cũng giống như Trung Quốc, thứ này ít dùng, ngay cả cho trẻ con. Tại Turon trẻ con đông, trông khỏe mạnh; nhưng lên 7, hoặc 8 tuổi còn ở trường. Thức ăn cho chúng dường như gồm có cơm, mía, dưa. Phần đông dân Cochinchina, cũng giống như Trung Quốc, chỉ dùng 2 bữa ăn trong ngày; một bữa vào khoảng 9, hoặc 10 giờ sáng; một bữa vào lúc mặt trời lặn. Trong mùa nắng thường ăn trước cửa mái nhà tranh, trải chiếu ngoài trời; mọi người đều giống nhau, không cảm thấy xấu hổ vì bữa ăn tồi.

Tại vùng phụ cận Turon chúng tôi thấy một vài đồn điền trồng mía và thuốc lá. Nước mía sau khi qua thanh lọc, xuất cảng sang Trung Quốc với dạng như kẹo dày có màu, trông giống tằm ong; còn thuốc lá tiêu thụ trong nước; trai gái, đủ mọi hạng tuổi đều hút. Tuy nhiên, bộ mặt của đất nước vẫn còn dấu vết yếu ớt trong việc canh tác, và kỹ thuật cùng cách sản xuất rõ ràng đang suy yếu. Trong nhà tranh có ít đồ đạc, chế tạo thô sơ, dùng tạm mà thôi. Nệm bao phủ nền nhà, đan khéo léo bằng màu khác nhau; nhưng nghệ thuật làm nệm quá phổ thông trong nhiều nước tại phương Đông, đến nỗi những cái đẹp nhất hiếm khi được ngưỡng mộ. Những đồ vật trong nhà phần lớn là cái bếp lò đất, một nồi bằng kim loại để nấu cơm, một cái xoong bằng miếng kính đồng hồ để xào rau, và một vài chén, bát bằng đồ gốm. Những bình bằng gang phẩm chất ngang bằng Trung Quốc, trong khi đồ gốm thì kém hơn. Họ làm những đồ vật kim loại ở mức độ gọn gàng có thể chấp nhận được; cán gươm của các sĩ quan bằng bạc, không đến nỗi dở. Trên thực tế, cả hai nước đều sở hữu tài năng nhanh nhạy và toàn diện, nếu được khuyến khích đúng mức, sẵn sàng ở giai đoạn tiên tiến để đạt được tiến bộ rất nhanh trong nghệ thuật, khoa học và sản xuất. Dưới sự bất lợi của một chính phủ tồi, sự khéo léo của họ đôi khi bùng nổ một cách bất ngờ; người đàn ông ở Canton [Quảng Châu, Quảng Đông] có thể làm đồng hồ ngay từ cái nhìn đầu tiên không phải là người yếu đuối hay tay vụng về.

Tuy nhiên nghệ thuật và sản xuất chưa cải tiến; đó là khuyết điểm căn bản của tất cả chính phủ tại Đông Phương, mà đất đai, khí hậu và các tiện ích khác không thể

bù đắp nỗi, nó chống lại không cho con người đạt được vĩ đại và hạnh phúc. Rào cản không thể vượt qua đối với sự vĩ đại và hạnh phúc của họ cũng do thiếu sự an toàn lâu dài về tài sản. Ở đây quyền thừa kế tài sản yếu hơn quyền chiếm hữu; nơi mà bàn tay quyền lực, không cần hình thức tổ tụng pháp lý, có thể tước đoạt mảnh đất của tha nhân và gia đình họ dựa vào để sống, bất cứ lúc nào. Nơi mà người dân và tài sản không được che chở để tránh khỏi mưu mô thù hoặc sự tham lam của những người có quyền lực. Chủ thể có thể có sự khuyến khích nào để xây dựng một ngôi nhà thanh lịch, cải thiện việc canh tác đất đai của mình, hướng tới sự hoàn hảo trong bất kỳ ngành nghề thuật nào, hoặc mở rộng sự khéo léo, cần cù của mình, vượt xa tầm mức chỉ cung cấp những thứ cần thiết cho cuộc sống. Một nhà hiền triết phương Đông đã nhận xét rằng:

"Bằng chứng của một chính phủ công bằng và cảnh sát quản lý tốt, khi một người phụ nữ xinh đẹp đeo dây đồ trang sức có thể đi ra ngoài, trong sự an toàn tuyệt đối."

Nhà hiền triết này nói gì về chính phủ và cảnh sát, nơi một bà già yếu đuối và giàu có, bao quanh bởi một nhóm người hầu khỏe mạnh và nghèo khổ, giao phó bản thân và tài sản của mình cho họ và cho thế giới với thái độ bình tĩnh và tự tin, như thể sức mạnh thể chất của bà không hề thua kém họ; hoặc nơi mà tài sản của một đứa trẻ mồ côi còn yếu đuối hơn không chỉ được đảm bảo cho đến khi đứa trẻ đó đến tuổi biết suy xét, mà còn được nuôi dưỡng và cải thiện đôi khi gấp đôi giá trị ban đầu của nó. Mặc dù tình trạng này có vẻ kỳ lạ đối với người dân ở bán cầu phía Đông, nhưng chúng ta vẫn có thể hài lòng khi biết rằng nó hoàn toàn đúng ở nhiều nơi trên thế giới phương Tây và không nơi nào đúng hơn là hòn đảo ưa chuộng Great Britain.

Chú thích:

1. Phụ lục **A group of Cochinchinese** [Một nhóm người Việt Đàng Trong] trang 54.

4. Excel most in naval architecture- Language-Religion-Laws of the same as those of China-Punishments not so frequent.

(Nói trội nhất về kiến trúc hàng hải - Ngôn ngữ - Tôn giáo - Luật pháp giống như Trung Quốc - Hình phạt không quá thường xuyên)

Một bộ môn đặc biệt về nghệ thuật người Cochinchinese đứng vào hạng xuất sắc là kiến trúc hải thuyền, thành quả không phải không dựa ít nhiều vào gỗ lớn và tốt. Thuyền buồm giải trí của họ rất đáng lưu ý; loại thuyền này dài khoảng 50 đến 80 thước Anh [thước Anh=1 foot=1/3 mét], hoặc bằng 5 tấm ván kéo dài liên tiếp, kẹp viền bằng cách đóng chốt tại lỗ mộng và được buộc chặt bằng các sợi tre xoắn. Thân và đuôi tàu nhô lên, khắc hình quái vật như rồng, rắn; trang sức tranh mạ vàng. Một số cây cột và giáo mang cờ và sợi dây được trang trí bằng những búi đuôi bò sơn màu đỏ; đèn lồng, ô dù và các phù hiệu khác biểu thị cấp bậc của hành khách, được dựng lên ở mỗi đầu thuyền. Những người này, cũng giống như người Trung Quốc, khác nhau hầu hết các quan niệm với phần lớn nhân loại; để nhóm hành khách luôn ngồi ở phần trước con thuyền. Vì sợ vi phạm cách cư xử lịch sự nếu những người chèo thuyền quay lưng lại với hành khách, nên họ đứng đối mặt về phía mũi thuyền, đẩy mái chèo ra khỏi họ; chứ không kéo về phía họ, như thường làm ở thế giới phương Tây. Tội tở và hành lý chiếm giữ phần lái của con thuyền. Các loại tàu thuyền được sử dụng trong hoạt động thương mại ven biển, tàu đánh cá và tàu thu thập tổ chim én trong quần đảo Paracels [Hoàng Sa] có nhiều kiểu khác nhau: nhiều loại giống như thuyền tam bản của Trung Quốc được phủ bằng chiếu, bên dưới có cả một gia đình thường xuyên sinh sống; một số khác giống thuyền proas của người Mã Lai, kể cả thân tàu và dây buồm.

Các tay buôn bán ra nước ngoài được xây dựng thuyền theo cùng một bản thiết kế như thuyền Junk của Trung Quốc, hình dáng và kết cấu của chúng không được coi là mô hình hoàn hảo của kiến trúc hải thuyền; tuy nhiên vì chúng tồn tại hàng ngàn năm mà không thay đổi, nên ít nhất chúng cũng có quyền được tôn trọng một chút vì tính cổ xưa của phát minh này. Những thuyền này không có ý định dùng cho chiến tranh, nên phẩm chất chính không phải là nhanh nhẹn khi xua đuổi hoặc trốn thoát, mục đích của chủ nhân coi an toàn hơn tốc độ. Vì cá nhân làm thương mại nên không có vốn nhiều, người buôn vừa là chủ thuyền và chỉ huy hải hành, chỉ cần trọng tải hạn chế đủ cho hàng hóa của riêng ông; sau đó thuyền được chia thành nhiều khoang, để tránh sự bất tiện thuyền có thể chứa hàng của nhiều thương gia riêng biệt. Vách chia các khoang là những ván gỗ dày 2 inches [0.05 mét], trét keo vào khe hở để hoàn toàn không ngấm nước. Bất kể phản đối nào có thể được đưa ra đối với việc phân chia khoang tàu và sự can thiệp vào việc xếp hàng, nhưng không thể phủ nhận về lãnh vực này giúp các tàu lớn nhiều lợi thế quan trọng. Một chiếc tàu được củng cố bằng vách ngăn chéo, có thể va vào đá mà không bị thương nghiêm trọng. Một vết rò rỉ xuất hiện ở một bộ phận của khoang sẽ không gây bất kỳ thiệt hại nào với vật được đặt ở bộ phận khác; và do con tàu được liên kết chặt chẽ như vậy nên nó đủ vững chắc và mạnh mẽ để chịu được cái sốc lớn hơn bình thường. Các thủy thủ đều biết rằng khi một con tàu lớn đâm vào đất liền, dấu hiệu đầu tiên cho thấy tàu bị vỡ là khi các cạnh của boong tàu bắt đầu tách ra khỏi hai bên; nhưng sự tách rời này không bao giờ có thể xảy ra khi hai bên và boong tàu được liên kết chặt chẽ với nhau bằng vách ngăn chéo. Thực vậy, phát minh xưa của Trung Quốc, nay được hải quân Anh thử, như một thí nghiệm mới. Các kế hoạch khác cũng đã được đề xuất từ đất nước này dùng để đẩy tàu trong trạng thái tĩnh lặng, bằng những mái chèo lớn, hoặc bằng bánh xe quạt nước đặt ở hai bên hoặc xuyên qua đáy và bằng nhiều phương thức khác; tất cả những phương pháp này mặc dù được gọi là phát minh nhưng đã được người Trung Quốc sử dụng phổ biến qua hơn hai nghìn năm.

Bức tranh đính kèm truyền đạt ý tưởng khá hay về thuyền bè Cochinchinese thường lui tới tại nhánh sông Fai-fo [Hội An] đổ vào vịnh Tu ron [Đà Nẵng].



Thuyền nước Việt Đàng Trong trên sông Hội An

Dù rằng Vua hiện tại của nước này đã phá vỡ một vài xiềng xích của phong tục; tuy nhiên khi làm như vậy về việc đóng tàu chiến, ông không quên định kiến phổ biến; đặc biệt là ở các nước Châu Á, nơi họ hoàn toàn bị định kiến chi phối, được đóng dấu ấn bằng một bản chất quá thiêng liêng để có thể bị xóa bỏ ngay lập tức gốc rễ. Để tỏ lòng tôn trọng định kiến này, ông chỉ cho thay đổi phần thân tàu hoặc vỏ tàu bị ngập trong nước; tất cả các bộ phận phía trên như cột buồm, cánh buồm và dây buồm vẫn giữ nguyên kiểu Cochinchinese. Thực sự người ta có thể đặt câu hỏi liệu tre mềm dẻo, tạo nên một phần vật chất của các công trình phía trên của tàu, có nên được thay thế bằng gỗ cứng với lợi thế nào không, vì nó nhẹ hơn và cũng chắc chắn như vậy. Nhưng không thể không ngưỡng mộ sự sáng suốt của vị cựu Hoàng tử thông thái và năng động này, người đã đạt được lợi thế thực sự khi điều khiển con đường trung dung, mà không tạo ra bất kỳ thay đổi hình thức có thể thấy rõ.

Sự kiên trì với phong tục cổ xưa, một ví dụ thú vị liên quan đến Hoàng đế Nhật Bản; vào thời gian cách đây vài năm, người Hà Lan từ Batavia [thuộc địa Hà Lan, Indonesia] mang đến cho Quốc vương này mô hình một con tàu chiến, cùng với những món quà khác. Vị Đại sứ tình cờ nhìn thấy Hoàng đế để mắt đến mô hình này, và cho rằng phải biến cơ hội thành lợi thế cho chủ của mình; nên đã mạnh dạn đưa ra đề xuất cử một số thợ thủ công lành nghề từ Hà Lan đến Nhật Bản để hướng dẫn thần dân của nhà Vua về nghệ thuật đóng tàu theo kiểu châu Âu. [Qua thông dịch] Vua Nhật muốn hỏi bao

lâu thì người dân trong nước quen với nghệ thuật đóng tàu như mô hình vừa đem đến.
Viên Đại sứ trả lời khoảng 300 năm. Nhà Vua bảo:

“Hãy nói với ông ta, dân nước tôi đã đóng những chiếc tàu như ông thấy trong cảng nhiều ngàn năm, mà tôi chưa từng nghe lời phàn nàn về sự hữu dụng của nó. Vì vậy, tôi sẽ không dành cho bản thân hoặc người dân của tôi một lời bình phẩm tệ hại đến mức gạt bỏ thử thách của thời gian, để theo đuổi một phát minh mới ngày hôm qua. Tàu Hà Lan có thể hợp với người Hà Lan, nhưng không hợp cho Nhật Bản; vì vậy, nói với ông ấy, ta muốn ông mang trở về phần quà mô hình này!”

Người Cochinchinese bảo trì hiệu quả chữ viết ngôn ngữ Trung Quốc, chúng tôi thấy không khó khăn khi truyền tin với họ về lãnh vực này qua môi giới các tu sĩ Trung Quốc. Tuy nhiên tiếng nói chịu sự thay đổi nhiều, điều này cũng ít ngạc nhiên, vì ngay cả tiếng nói dân miền bắc và miền nam Trung Quốc cũng không hiểu nhau. Nhưng mặc dù tiếng nói thay đổi, nó dường như không nhận được bất kỳ sự cải thiện nào: không có sự bổ sung của riêng họ, cũng không đưa các từ ngữ nước ngoài vào thay thế.

Sau đây xin làm bảng danh mục ngắn, âm ngữ Trung Quốc đối chiếu với âm ngữ Cochinchinese và ý kiến về sự khác nhau xa, gần giữa các âm nghĩa:

Anh	Âm Trung Quốc	Âm Việt Đàng Trong [1792-1793]	Dịch giả bổ sung tiếng Việt hiện đại
The earth	Tee	Địa	Địa
The air	Kee	Bloei	Trời
Fire	Ho	whoa	Hỏa
The sea	Hai	Bae	Bể
A river	Ho	jeang	giang
A mountain	shan	noui	Núi
The sun	Jec-tor	Mat bloei (eye of heaven)	Mặt trời
The moon	Yué	Blang	Trăng
The stars	Sing	Sao	Sao

The clouds	Yun	Moo	Mây
Thunder	Luie	No-sang	Nổ Sấm
Lightning	Shan-tein	Choap	Chớp
Wind	Fung	Jeo	Gió
The day	Jee or tien	Ngai	Ngày
The night	Ye or van-shang	Teng	Tối
The sky or heaven	Tien	Tien	Thiên
The east	Tung	Doo	Đông
West	See	Tai	Tây
North	Pee	Pak	Bắc
South	Nan	Nang	Nam
Man	Jin	Dan-ou	Đàn ông
Woman	Foo-gin	Dan-ba	Đàn bà
A quadruped	Shoo	Kang	Thú rừng
A bird	Kin	Ching	Chim
A fish	Eu	Ka	Cá
A tree	shoo	kai	Cây
A fruit	Ko-tse	Blai	Trái
A flower	Wha	Wha	Hoa
A stone	Shee	Ta	Đá
Gold	Tchin	Whang	Vàng
Silver	In-tse	Bak	Bạc
Copper	Tung	Tow	Thau
Lead	Yuen	Chee	Chì
Iron	Tié	Tié	Sắt
The head	Too	Too	Đầu
The hand	Shoo	Tai	Tay
The heart	Sin	Blai	Tim
The foot	Tchiao	Tchen	Chân
The face	Mien	Mien	Mặt
The eyes	Yen-shing	Mat	Mắt

The ears	Eul-to	Tai	Tai
An ox	Nieu	Bo	Bò
A horse	Ma	Ma	Mã
An ass	Loo-tse	Looa	Lừa
A dog	Kioon	Koo	Cáú
A sheep	Yang	Chien	Chiên
A cat	Miau	Miao	Mèo
A stag	Shan-loo	Hoo	Nai
A pigeon	Koo-tse	Bo-kau	Bồ câu
An egg	Kee-tan	Te-lung	Trúng
A goose	Goo	Ngoo	Ngỗng
Oil	Yeo	Taw	Dầu
Rice	Mee	Gao	Gạo
Vinegar	Tsoo	Jing	Giấm
Salt	Yen	Muoi	Muối
Silk	Tsoo	Looa	Lụa
Cotton	Mien-wha	Baou	Bông
Sugar	Tung	Dang	Đường
A house	Shia	Da	Nhà
A temple	Miau	Shooa	Miếu
A bed	Tchuang	Tchuang	Giường
A door	Men	Pan	Cửa
A knife	Tau	Tiau	Dao
A plough	Lee	Kai	Cày
An anchor	Mau	Dan	Neo dưng
A ship	Tchuan	Tau	Tàu
Money	Tsien	Tien	Tiền
One	Ye	Mot	Một
two	ul	hai	hai
three	san	teng	tam
four	Soo	bon	Bốn

Five	Ou	Lang	Năm, lăm
Six	Leu	Lak	Lục
Seven	Tchee	Bai	Bảy
Eight	Pa	Tang	Tám
Nine	Tcheu	Chin	Chín
Ten	shee	Taap	Thập
Eleven	Shee-ye	Moei-mot	Mười một
Twelve	Shee-ul	Moei-hai	Mười hai
Twenty	Ul-shee	Hai-moei	Hai mươi
Thirty	San-shee	Teng-moei	tam mươi
Thirty-one	San-shee-ye	Teng-moei-mot	Tam mươi một
Thirty- two	San-shee-ul	Teng-moei-hai	tam mươi hai
One hundred	Pe	Klang	Trăm
One thousand	Tsien	Ngkin	Nghìn
Ten thousand	Van	Muon	Vạn
One hundred thousand	Shee van		Mười vạn

Có thể thấy rằng người Cochinchinese đọc các phụ âm B,D và R không khó khăn chút nào; nhưng người Trung Quốc không thể làm như vậy, họ dùng bất kỳ nỗ lực nào, phát âm một âm tiết gán vào âm này. Khi cấu tạo một nhóm chữ, cũng có sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ; ví như khi dùng đại danh từ số nhiều chỉ người, Trung Quốc dùng âm tiết muen để phía sau đại danh từ chỉ người số ít:

Anh	I	Thou	He
Trung Quốc	Ngo [ngã]	Ne [nĩ]	Ta [tha]
Anh	we	Ye	They
Trung Quốc	Ngo- <u>muen</u>	Ne-muen	Ta-muen

Nhưng người Cochinchinese dùng âm tiết chung [chúng] để phía trước đại danh từ chỉ người số ít :

Anh	I	Thou	He
Việt Đàng Trong	Tooi [tôi]	Bai [bay]	No [nó]
Anh	we	Ye	They
Việt Đàng Trong	<u>Chung</u> -tooi [chúng tôi]	Chung-bai [chúng bay]	Chung-no [chúng- nó]

Chúng ta phải giao tiếp tương lai với người Trung Quốc nghiêm trang và trang trọng, những người mà phẩm giá của họ sẽ bị hạ thấp khi họ hạ mình sử dụng bút chì để mô tả các đối tượng, bất chấp sự liên kết của nó với cách viết của họ; chúng ta cảm thấy dễ dàng hơn trong việc làm cho mình dễ hiểu, hoặc bằng cách cố gắng chỉ ra bằng ký hiệu và cử chỉ, những ý tưởng có thể được trao đổi mà không cần sự trợ giúp của ngôn ngữ. Những người này hoàn toàn không giống với người Cochinchinese, họ luôn luôn có vẻ muốn đồng tình với quan điểm của chúng ta là tạo điều kiện cho sự hiểu biết lẫn nhau. Tuy nhiên, những người Trung Quốc buôn bán hoặc làm kẻ hầu cho người châu Âu ở Canton [Quảng Châu, Quảng Đông] cũng sẵn sàng, khéo léo và sáng tạo để làm cho chủ nhân của họ hiểu mình và đáp ứng được những ý tưởng mà họ quan tâm, giống như bất kỳ người nào khác có thể làm được. Chẳng hạn như một hạm trưởng tàu của công ty East Indea, một hôm chỉ vào đĩa đồ ăn tại bàn mà ông cho là vịt băm nhỏ, bèn bảo người hầu Trung Quốc, người chỉ được học một chút thuật ngữ về cách mô tả do chủ nhân dạy, lấy cho ông một ít quaak-quaak. Người hầu, sau khi nhìn vào đĩa, đã lắc đầu và để sửa lỗi cho chủ nhân, nhận xét một cách đáng chú ý rằng đó không phải là quaak-quaak, mà là bow-bow, tức món thịt chó thay vì thịt vịt!

Khó có thể nhận thấy rằng tôn giáo của người Việt Đàng Trong giống như hầu hết các quốc gia phương Đông khác, là một biến thể của học thuyết Phật giáo rộng rãi. Tuy nhiên theo những gì chúng ta có cơ hội thấy về mặt sùng đạo, nó đơn giản và ít được che giấu bằng những điều huyền bí và nghi lễ thờ cúng thần thánh, hơn là những gì được thực hành phổ biến ở Trung Quốc. Từ một tình cảm biết ơn đối với tinh thần nhân từ và hào phóng của thần linh, người Cochinchinese giống như người Do Thái thời xưa, thể hiện lòng thành kính của họ bằng cách dâng lên hình ảnh của vị thần bảo vệ, những con vật đầu lòng trong đàn gia súc còn sống của họ và những loại cây trái. Như một nhánh lúa đầu tiên, một trái cau mới chín, một chén đường đầu tiên, bất cứ cái gì thiên nhiên sinh ra đều được đưa đến đền thờ, nơi chứa hình ảnh thiêng liêng và

được đặt ở đó với mục đích khiêm nhường biết ơn về lòng tốt của thần thánh. Tôi rất vui mừng khi có cơ hội được tham dự một buổi lễ mang tính chất này.

Một buổi chiều thanh thản rời thuyền đến một khe núi tại bờ phía bắc vịnh Turon, tôi thấy một người mặc áo dài màu vàng chấm đất, đầu trọc cạo tóc sát da; đi từng bước đến một cây lớn tỏa bóng, theo sau một vài người nông dân. Khi đến dưới cây tất cả đều dừng lại. Phía trên đầu thân cây (đây là loại cây Ficus indica hoặc Banyan tree, người Cochinchinese gọi là cây đa, cành có rễ phụ), tôi thấy một cái lồng lớn lưới đan xung quanh, phía trước có 2 cửa đặt giữa 2 cành cây, một phần bị lá che; ở trong có tượng gỗ Budha hoặc Fo [Phật], với dáng mập mạp, tư thế ngồi, giống như hình dáng tại đền chùa Trung Quốc. Một đứa trẻ nhỏ hầu vị Tu sĩ, đứng bên cạnh ông ta, bâng chiếc đĩa bằng đồng trên đặt than nóng. Một nông dân mang chiếc thang tre, đặt dựa vào thân cây; người khác trèo thang đến lồng trước tượng Phật, dâng 2 bát gạo, 1 chén đường, 1 chén muối. Lúc này vị Tu sĩ vung tay ra, mắt nhìn lên trời, lẩm nhẩm khấn, trong khi người đàn ông mang thang, quì mọp, lạy sát đất 9 lạy, theo phong tục của người Trung Quốc. Vài phụ nữ và trẻ em vẫn đứng ở đằng xa, dường như họ bị cấm đến gần; dù rằng người ta bảo Ni sư phổ biến ở nước này, không có sự hạn chế nào về giới tính. Cái thang kia là sở hữu của vị Tu sĩ, đúng giờ định ông sẽ dùng nó để lấy những đồ cúng để ông ta dùng; giống như vị Tu sĩ của thần tượng Bel thời xưa, như đã kể trong các văn bản giả tưởng, không có nhiều chỗ để nghi ngờ. Nhưng việc dâng hiến như đã trình bày, biểu hiện không ít lòng mộ đạo và biết ơn. Với phong cách đường hoàng, vị Tu sĩ nhận các phẩm vật một cách công bằng và công khai. Vâng, có lẽ không có bất kỳ nhóm người nào có quyền được trả công cho các dịch vụ của họ tốt hơn những người dành thời gian để duy trì các nghĩa vụ tôn giáo. Mọi thời đại và ở mọi quốc gia, việc xử lý các loại trái cây đầu mùa dường như đã được trao cho các vị Tu sĩ. Từ lịch sử thiêng liêng, rõ ràng nó đã hình thành nên một phần của sự phân phát của người Do Thái; và chúng ta được Pliny thông báo rằng không ai từng nghĩ đến việc ném trái cây mới hoặc rượu mới trước khi Tu sĩ thực hiện nghi lễ dâng rượu theo thông lệ.

Trên rìa của mỗi lùm cây nhỏ gần vịnh Toron [Đà Nẵng], có những chiếc hộp gỗ nhỏ hoặc giỏ mây treo hoặc gắn cố định giữa các cành cây; một số chứa hình ảnh làm từ nhiều vật liệu khác nhau, giấy sơn son hoặc mạ vàng được cắt thành nhiều hình dạng, dòng chữ khắc trên mảnh gỗ bằng Hán văn và nhiều dấu hiệu khác về điểm linh thiêng.



Dâng trái cây đầu mùa lên Phật

Trên thực tế, cây cối dường như nằm trong số những ngôi đền đầu tiên được thánh hiến cho các vị thần. Đối với con người, ít tiến bộ hơn trạng thái tự nhiên; vật thể vĩ đại nhất hiện diện là những vật có khả năng thu hút sự tôn thờ nhất. trên đồng bằng có những cây cổ thụ đáng kính, và trên núi có những đỉnh cao chót vót bằng đá rắn chắc. Nhưng con người, càng văn minh và phù phiếm, càng tham vọng, đã hình thành nên một tòa tháp Babel [trong truyện cổ] có đỉnh cao chạm tới bầu trời. Những ngôi đền xa hoa và tráng lệ nhất đã được hầu hết các quốc gia văn minh thời cổ đại thánh hiến cho vị thần, và tập tục này đã được giáo sư Cơ đốc giáo áp dụng rộng rãi; nhưng người Trung Quốc và lân bang của họ có quan điểm khác nhau về vấn đề này, cũng như hầu hết những vấn đề khác. So với phần còn lại của nhân loại, họ bằng lòng thờ phụng:

“ *Trước mọi đèn thờ, với tinh thần ưa thích trái tim ngay thẳng và trong sạch*”, ở mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh. Một chiếc hộp nhỏ không lớn hơn thứ đựng thuốc hít, thường cất giữ một vị thần được yêu thích. Sự sùng kính đơn độc, đúng là, không đòi hỏi không gian cần thiết cho việc thờ cúng tập thể; một vị thần bảo hộ có thể đặt bất kỳ góc nào trong nhà, hoặc mang theo trong túi.

Dân Cochinchinese rất mê tín, lễ nghi sùng đạo giống như Trung Quốc, với quan điểm ngăn chặn cái ác, hơn là thực hiện một điều tốt; nói một cách khác cho ma quỷ đáng sợ hơn là tôn kính việc tốt. Nhiều chỗ tại nước này dựng lên những cột để thờ cúng, nhưng mục đích không phải cúng thiên tai, hay chết trận hoặc bị giết; mà chính là thờ cúng ma quỷ gây nên tai nạn. Vì vậy khi đứa trẻ chết, cha mẹ trong lòng tất phải bất bình thể lực ma quỷ ác ý; nhưng họ cố gắng chiều nịnh bằng cách dâng cúng gạo, dầu, trà, tiền và bất cứ đồ vật gì họ tưởng tượng có thể làm vừa lòng ma quỷ giận dữ. Từ tình cảm như vậy, người ta có thể mạo hiểm hy vọng rằng hành vi giết trẻ sơ sinh kinh hoàng không phải một trong những phong tục xấu vẫn giữ của người Trung Quốc.

Bên cạnh việc tự nguyện đóng góp mà cá nhân cho là cần thiết phải thực hiện vào nhiều dịp khác nhau, có vẻ như chính phủ lấy tiền thuế để đóng góp hàng năm cho các tự viện để các Tu sĩ cầu khẩn thần linh phù hộ cho dân chúng. Sự đóng góp bao gồm sản phẩm hiện vật như gạo, trái cây, đường, hạt cau và các thứ khác; tại thành phố có thể thay thế bằng cách thu các vật như tiền, kim loại, y phục. Các Tu sĩ ở đây cũng như tại Trung Quốc được xem như thầy thuốc giỏi, nhưng tài nghệ do sự quyến rũ lòng tin hơn là trị liệu đúng cách bằng thuốc hoặc vệ sinh.

Có thể kết luận rằng nguyên tắc căn bản của chính quyền Cochinchinese cũng giống như Trung Quốc, luật pháp và hình phạt đều giống nhau; nhưng tôi không nhận được tin tức đề cập đến vấn đề này. Trong căn nhà kề cận với tư dinh viên quan chỉ huy tôi thấy hai thứ Tcha và Pan-tsé (cái gong và roi tre); nhưng lúc nào luật thi hành thì ít thấy; hoặc dân chúng tại đây ít hư hỏng hơn chăng? Tôi không có thể giả bộ nói rằng đã quan sát hết, nhưng tôi không thấy một sự trừng phạt nào; trong khi đó tại Trung Quốc hiếm khi đi qua một thị trấn hoặc một làng mà không thấy cùm, và lỗ tai nghe đầy rẫy tiếng kêu van của người bị đánh bằng roi tre. Thực sự tại đây quan lại tham nhũng trụy lạc trong cuộc sống cá nhân, công khai thực hiện một sự nghiêm khắc trong hành vi, để chấp thuận những sửa đổi của dân. Nhưng một quan lại người

Cochinchinese, người công khai vi phạm các quy tắc của sự đoàn chính và đặt ra trong chính con người mình tấm gương về sự phóng túng, nhưng có thể chỉ đạo và giám sát sự trừng phạt một người khác ít tội hơn mình. Trong tất cả các sự kiện, tinh thần người dân Turon dường như không bị lo âu, từ việc sử dụng bàn tay quyền lực quá nghiêm trọng.

Hồ Bạch Thảo dịch